

 thứ Hai	 thứ Ba
 thứ Tư	 thứ Năm
 thứ Sáu	 thứ Bảy
 Chủ nhật	 ngày trong tuần

Tuesday Thứ Ba lúc nào cũng vui. Tuesday is always fun. Lesson 16 · Time & Calendars	Monday Thứ Hai là ngày đầu tuần. Monday is the first day. Lesson 16 · Time & Calendars
Thursday Anh ấy đến vào thứ Năm. He comes on Thursday. Lesson 16 · Time & Calendars	Wednesday Cô ấy về nhà vào thứ Tư. She goes home Wednesday. Lesson 16 · Time & Calendars
Saturday Tôi đi vào thứ Bảy. I leave on Saturday. Lesson 16 · Time & Calendars	Friday Thứ Sáu là ngày tuyệt nhất. Friday is the best day. Lesson 16 · Time & Calendars
weekday Cô ấy làm việc vào mỗi buổi sáng ngày trong tuần. She works every weekday morning. Lesson 16 · Time & Calendars	Sunday Tôi sẽ nghỉ ngơi vào Chủ nhật. I will rest on Sunday. Lesson 16 · Time & Calendars

 cuối tuần	 hàng ngày	daily Chúng tôi đọc báo hàng ngày. We read the newspaper daily . Lesson 16 · Time & Calendars	weekend Ai mà không thích cuối tuần chứ? Who does not like the weekend? Lesson 16 · Time & Calendars
 hàng tuần	 hàng tháng	monthly Họ trả mức giá hàng tháng. They pay the monthly price. Lesson 16 · Time & Calendars	weekly Tôi thường xem tin tức hàng tuần. I usually watch the news weekly. Lesson 16 · Time & Calendars